



Bảo vệ môi trường-Nhập môn

Bởi:

PGS. TS. NGUYỄN Phạm Văn Huân

voer_nguyenthanhson

duvantoan

Trong lịch sử nhân loại luôn có không ít những vấn đề và những bài toán mà sự phồn thịnh và phát triển của xã hội tùy thuộc vào sự giải quyết chúng có thành công hay không. Tuy nhiên, trước đây chưa bao giờ nảy sinh những vấn đề có tầm cỡ như một ngưỡng làm cho sự tiến bộ xã hội sẽ vô cùng khó khăn nếu không nói là hoàn toàn không thể.

Ngày nay trở nên rõ ràng rằng đến cuối thế kỉ 20 loài người đã đụng độ với những vấn đề nặng nề nhất tích tụ lại từ những thế kỉ trước đó.

Cùng với những mâu thuẫn kinh tế ? xã hội, chính trị của ngày hôm nay, đang nổi lên những mâu thuẫn qui mô toàn cầu đụng chạm tới chính những cơ sở tồn tại của nền văn minh. Đó là những vấn đề căng thẳng như sự ô nhiễm môi trường, bầu không khí và các đại dương, sự cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên.

Là một vấn đề toàn cầu, vấn đề sinh thái (như một tập hợp những vấn đề bảo vệ môi trường và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên) đang ảnh hưởng tới lợi ích của tất cả 5 tỉ dân cư của hành tinh chúng ta, lợi ích của tất cả, không ngoại trừ, các quốc gia hiện đại và cuối cùng, lợi ích của từng con người sống trên Trái Đất.

Sự đảm bảo những ưu tiên sinh thái đang trở thành yếu tố ngày càng quan trọng của sự tiến bộ xã hội. Những ưu tiên này đang dần dần đạt tới tính chất của những giá trị tuyệt đối. Do đó, ngay từ nay, đặc biệt trong tương lai, một quyết sách kinh tế hay chính trị bất kỳ sẽ là không thể chấp nhận được về nguyên tắc nếu nó vi phạm những đòi hỏi có căn cứ khoa học về y tế, về sinh thái và những đòi hỏi khác đối với môi trường. Không tuân thủ điều này có nghĩa là hi sinh số phận của một xã hội, của sự sống không chỉ của một thế hệ hôm nay mà cả các thế hệ mai sau vì những lợi ích cá nhân và ích kỉ của những người đang sống hiện nay.

Tính phức tạp, đa phương diện và mâu thuẫn của vấn đề sinh thái đang gây khó khăn cho việc đề ra một chiến lược toàn nhân loại ứng xử sinh thái, cản trở quá trình xây dựng một con đường phát triển xã hội hợp lý nhất trong kỉ nguyên cách mạng khoa học ? kĩ thuật.

Có thể phân biệt ba hợp phần cơ bản của vấn đề sinh thái:

- a) sinh học,
- b) kĩ thuật,
- c) kinh tế ? xã hội.

Tuy nhiên số lượng các khuynh hướng riêng biệt và những phương diện khác của hệ thống vấn đề sinh thái thì nhiều hơn nhiều. Đó là những vấn đề kinh tế, pháp lý, kiểm soát, quản lý chất lượng môi trường v.v...

Mặc dù ý nghĩa nghiêm túc của các hợp phần sinh học và kĩ thuật, tính qui mô và tính mâu thuẫn của hợp phần thứ ba ? hợp phần kinh tế ? xã hội, đang ngày càng tăng lên, bởi vì sự phức tạp của vấn đề này là do tính không đơn trị khách quan của bản thân quá trình tương tác giữa xã hội và tự nhiên quy định. ở đây đang đan xen những qui luật phát triển của tự nhiên và xã hội, “đang đụng độ” “những lợi ích” sinh học của tự nhiên và những yêu cầu xã hội của xã hội.

Trong điều kiện con người khai thác mạnh mẽ tài nguyên thiên nhiên, việc thu hút tài nguyên thiên nhiên vào hoạt động kinh tế sẽ ngày càng làm tổn hại bản thân tự nhiên. Tự nhiên bắt đầu mất đi khả năng tự hồi phục độc đáo của mình. Các chu trình sinh học tự nhiên đang bị phá vỡ, các quá trình phát triển đang chậm lại, tự nhiên ngày càng cảm nhận được những tác động mang tính chất “tấn công” của xã hội.

Trong kỉ nguyên cách mạng khoa học ? kĩ thuật, những lời sau đây của F. Ăngghen trở thành đặc biệt ý nghĩa: “Tự nhiên ? đó là con nhân sư... luôn đặt ra câu hỏi cho mỗi con người và mỗi thời đại. Ai trả lời đúng câu hỏi đó là người hạnh phúc, còn ai không trả lời hoặc trả lời sai sẽ bị nó khuất phục, thay vì một nàng dâu xinh đẹp anh ta sẽ tìm thấy một ả sư tử cái hung hãn”. (C. Mac, F. Ăngghen ? Toàn tập, tập 20).

Hôm nay, loài người cần trả lời câu hỏi ? liệu xã hội có khả năng ngăn ngừa được cuộc khủng hoảng sinh thái toàn cầu, hay là họ bị tiêu diệt bởi sự cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên và sự ô nhiễm quá độ của môi trường tự nhiên xung quanh.

Vậy vấn đề là gì? Cái gì là nguyên nhân tạo ra tình huống sinh thái toàn cầu cực kỳ bất lợi?

Chúng ta sẽ xem xét bức tranh tổng thể sự phát triển kinh tế của thế giới hiện đại.

Nền kinh tế thế giới có khả năng hàng năm “xuất xưởng” hơn 800 triệu tấn kim loại đen, hơn 60 triệu tấn các vật liệu tổng hợp mà thiên nhiên chưa từng được biết, gần 500 triệu tấn phân khoáng, gần 8 triệu tấn hóa chất độc, hơn 300 triệu tấn hợp chất hóa học hữu cơ với hơn 150 tên gọi v.v...

Do công suất sản xuất công nghiệp, trong nửa sau của thập niên 80 đã đưa vào khí quyển hơn 300 triệu tấn ôxit cacbon, 50 triệu tấn hydrô cacbua các loại, 120 triệu tấn bụi khói, 150 triệu tấn điôxit lưu huỳnh, còn vào nước Đại dương Thế giới ? 6 10 triệu tấn dầu thô, lưu lượng rắn đạt tới 17 triệu tấn.

Ngoài ra, để tưới ruộng, sản xuất công nghiệp, sinh hoạt, nhân loại đã sử dụng hơn 13 % lượng nước sông và đưa vào các thủy vực đến 500 tỉ m³ nước thải công nghiệp và sinh hoạt một năm, và muốn trung hòa lượng nước đó (tùy thuộc mức độ làm sạch) cần 5?12 lần lượng nước sạch tự nhiên để giải nhiễm.

Sự ô nhiễm sinh quyển, sự cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên, sự phá hủy các hệ sinh thái, tự nhiên bị mất khả năng tự phục hồi ? đó là những quá trình cực kỳ nguy hiểm và phức tạp, tất cả đã bị gây nên và đang được khuyến khích bởi hoạt động kinh tế của con người. Tới nay, nhiều dạng chất ô nhiễm, thí dụ như các kim loại, bụi, thuốc bảo vệ sinh vật, chất phóng xạ, do các quá trình hoàn lưu trong khí quyển và thủy quyển mà đã vươn tới mức khu vực và toàn cầu, biến hành tinh thành một hệ thống sinh học công nghệ thống nhất.

Những biến đổi như vậy trong môi trường thiên nhiên không phải không để lại dấu tích đối với con người. Theo ý kiến của các thầy thuốc và chuyên gia trong lĩnh vực vệ sinh môi trường, trong chất thải của các xí nghiệp công nghiệp chứa tới 150 chất gây hại cho sức khỏe mọi người. Bây giờ người ta đã phải lo lắng về chuyện nhiều bệnh tật của con người có liên quan tới sự xuất hiện của những sản phẩm công nghiệp hóa học và chất thải vận tải trong môi trường, hơn nữa nhiều chất ô nhiễm có những tính chất biến đổi gen có khả năng làm thay đổi tính di truyền của con người.

Không phải ngẫu nhiên mà các nhà khoa học, các chuyên gia, các đại biểu xã hội ngày càng khẩn khoản nói về sự xuất hiện “mối liên hệ ngược” trong quá trình tương tác giữa xã hội và thiên nhiên.

Thật vậy, thí dụ nhà triết học Xô viết G. Saregorodsev nhận định rằng, sức khỏe người ta trong những điều kiện hiện đại phụ thuộc tới 15?20 % vào trạng thái của môi trường. Các chuyên gia khẳng định rằng sự ô nhiễm không khí khí quyển mạnh bởi các hóa chất, sự tiếp xúc ngày càng gia tăng của con người với các hợp chất và vật liệu tổng hợp nhân tạo sẽ dẫn tới những biến đổi trong hệ thống miễn dịch của cơ thể. ở một bộ phận nhất định của nhân loại, hệ thống này đã bị hủy hoại đáng kể và xã hội buộc phải có những chi phí khổng lồ để ngăn chặn những thảm họa đó.

Hơn nữa, mối nguy này còn đáng sợ đến mức theo ý kiến nhà khoa học người Pháp M. Mauruat, chúng ta cần phải tạo ra những điều kiện nhằm bảo tồn cả những axit nucleic trong tế bào của mình để chúng cung cấp cho ta toàn bộ lịch sử khảng định loài giống của mình, bởi lẽ nó đang bị đe dọa.

15?20 năm gần đây vấn đề sinh thái không chỉ gây nên sự chú ý thật sự, mà còn cả sự quan ngại sâu sắc của nhiều chuyên gia, nhà khoa học, nhà hoạt động chính trị và dư luận thế giới rộng rãi. Và đã từ lâu việc đặt vấn đề “bảo vệ tự nhiên”, “bảo vệ môi trường” không còn là chuyện trọng một nữa. Bây giờ là chuyện giải quyết một vấn đề quan trọng sống còn ? bảo vệ và gìn giữ sức khỏe của các thể hệ hiện nay và tương lai khỏi những hậu quả tai hại của tiến bộ khoa học ? kĩ thuật và hoạt động kinh tế.

Trong thời đại cách mạng khoa học ? kĩ thuật đã xuất hiện một tình huống nghịch lý: một mặt, tri thức và khả năng kĩ thuật của con người đã trở thành cơ sở tạo ra sức sản xuất hùng mạnh, có khả năng chủ động tiến công vào tự nhiên, làm thay đổi bộ mặt Trái Đất, làm cho môi trường phục vụ lợi ích xã hội, nhưng mặt khác, chính là vì thiếu tri thức, đặc biệt về các vấn đề môi trường, đang hạn chế khả năng đánh giá đúng và đầy đủ về mức độ tác động của sức sản xuất xã hội tới thiên nhiên.

Sự mãi mê của con người với những “thành công”, “chiến thắng” của mình trong quá trình tương tác với thiên nhiên đã dẫn tới chỗ chính những “chiến thắng” ấy đã trở thành sự thất bại. Hơn nữa, tính sai lầm và hoang tưởng của những “chiến thắng” ấy thật rõ ràng, về điều này thì các nhà tư tưởng vĩ đại C. Mac và F. Ăngghen đã nhắc nhở từ hơn một thế kỉ trước đây. Các ông đã viết: ”Tuy nhiên, chúng ta sẽ đừng có quá thỏa mãn với những chiến thắng của mình trước thiên nhiên. Tự nhiên sẽ trả thù chúng ta vĩ mỗi chiến thắng đó. Thật ra, mỗi chiến thắng như vậy có những hệ quả mà lúc đầu sẽ đúng như chúng ta dự định, nhưng sau đó và sau đó nữa sẽ có những hậu quả khác, không lường trước và thường là thủ tiêu ý nghĩa của những hệ quả đầu tiên”. (Mac C., Ăngghen F. Toàn tập, tập 20, tr. 495?496).

Ngoài ra, theo lời của F. Ăngghen, “sự trả thù” này của thiên nhiên dưới dạng những hậu quả không lường sẽ biểu lộ không thù thuộc vào một tổ chức xã hội nào đó, tức trong điều kiện những hình thái kinh tế ? xã hội khác nhau.

Việc khai thác tài nguyên thiên nhiên từ lâu nay và có tính tự phát của con người nói chung diễn ra trong những điều kiện tương đối thuận lợi cả đối với xã hội và đối với tự nhiên đã tạo ra một tập quán tâm lý ? xã hội trong thái độ của con người đối với những tài nguyên thiên nhiên quanh họ. Người ta đoán chắc rằng, dù qui mô hoạt động của con người thế nào chăng nữa, thì ảnh hưởng của con người tới tự nhiên cũng chỉ là hoặc rất nhỏ bé, hoặc chỉ mang tính chất khu vực.

Nhưng đến nay, hệ thống xã hội ? tự nhiên đã tỏ ra là một hệ thống chức năng đóng kín. Đối với xã hội, tự nhiên tỏ ra không phải là một môi trường vô biên và vô định hình,

mà là một hệ thống chức năng, nó tái tạo những kết quả hoạt động kinh tế thành những nhân tố mới mà sau này sẽ biểu lộ ra và xã hội buộc phải tính tới.

Vì vậy vấn đề xây dựng một quan niệm khoa học tổng quát để dựa vào đó mà thực hiện quá trình tương tác giữa xã hội và tự nhiên một cách tự giác, có mục tiêu và mang lại kết quả tối ưu đang trở thành cực kỳ quan trọng.

Những năm gần đây đã hình thành một hướng khoa học mới tích hợp liên ngành ? *sinh thái xã hội học*. Và nó sẽ phải trở thành cơ sở quan điểm của những nghiên cứu lý luận, bởi vì đối tượng khảo sát của nó là quá trình tương tác sinh học ? xã hội giữa xã hội và môi trường xung quanh, còn mục tiêu ? xác định những con đường tối ưu phát triển và hoàn thiện quá trình tương tác giữa xã hội và môi trường nhằm giảm thiểu tác hại của hoạt động kinh tế của con người tới trạng thái môi trường xung quanh.

Cuối những năm bảy mươi người ta đã nêu ra luận đề rằng không có một lĩnh vực khoa học nào có thể hoàn toàn bỏ qua nhiệm vụ bảo tồn tự nhiên và sử dụng tự nhiên hợp lý. Ngày nay, luận điểm này đã được khẳng định đầy đủ trong thực tiễn. Các khoa học như địa lý học, kinh tế học, hóa học, vật lý học, sinh học, lịch sử, toán học và những khoa học khác, đang tích cực nghiên cứu những vấn đề bảo tồn môi trường và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên.

Ngày nay, chúng ta có thể nói rằng luận điểm do nhà khoa học lỗi lạc V. I. Vernadsky cho rằng sau này tri thức của chúng ta sẽ phát triển không phải theo các bộ môn khoa học, mà theo những vấn đề, đã được minh chứng hoàn toàn. Và trong thí dụ vấn đề sinh thái thì điều này đã trở thành đặc biệt hiển nhiên.

Cơ sở phương pháp luận của sinh thái xã hội học là phương pháp duy vật biện chứng nghiên cứu tất cả những quá trình và hiện tượng diễn ra trong tự nhiên và xã hội, còn kinh tế học sử dụng tự nhiên đã trở thành cái cốt lõi đặc biệt của cơ sở đó.

Kinh tế học sử dụng tự nhiên là gì? Có thể định nghĩa bản chất của khái niệm này như sau. Tài nguyên thiên nhiên là cơ sở vật chất của sự phát triển sản xuất xã hội, nó chủ yếu thực hiện chức năng kinh tế. Nhưng khác với những phương tiện sản xuất khác là thể hiện của lao động đã vật hóa, tài nguyên thiên nhiên hình thành nên môi trường tự nhiên xung quanh và do đó, nó thực hiện chủ yếu chức năng sinh thái.

Và chỉ đồng thời ? tài nguyên thiên nhiên và môi trường thiên nhiên (thường là dưới dạng đã bị biến đổi dưới tác động của con người) cùng với những quan hệ sản xuất thống trị làm thành *hệ thống kinh tế ? sinh thái*, bao gồm tự nhiên và nền sản xuất. Được biết rằng nền sản xuất chỉ có thể vận hành trong trường hợp nếu phương tiện sản xuất được kết hợp với sức lao động và phát huy quá trình hoạt động tự giác của mọi người nhằm mục đích nhận được phúc lợi tiêu dùng. Nói cách khác, thực hiện quá trình lao động ?

quá trình mà trong đó theo lời C. Mac “con người bằng hoạt động của chính mình vật hóa, điều chỉnh lại và kiểm soát sự trao đổi chất giữa mình và tự nhiên”.

Đồng thời, quá trình lao động được thực hiện không phải một cách trù tượng, mà trong khuôn khổ những mối liên hệ và quan hệ xã hội nhất định, và do đó, tính chất liên kết sức lao động với phương tiện sản xuất và mục đích sản xuất quyết định tính chất của quan hệ qua lại của xã hội với tự nhiên. Kết quả là tài nguyên thiên nhiên và môi trường tự nhiên, quan hệ sản xuất thống trị cùng với bản thân xã hội tạo thành *hệ thống kinh tế ? xã hội ? sinh thái*.

Chính là từ đây mà quan điểm giải quyết vấn đề sinh thái từ lập trường của khoa học kinh tế xã hội học trở thành quan trọng. Vì vậy, không phải ngẫu nhiên mà những vấn đề kinh tế học sử dụng thiên nhiên đã trở thành chủ đề của một lĩnh vực đặc biệt của khoa học kinh tế có đối tượng nghiên cứu là những quan hệ hình thành nên trong quá trình tương tác giữa xã hội và tự nhiên.

Kinh tế học sử dụng thiên nhiên cần phải xúc tiến xây dựng quan điểm chính sách quốc gia bảo tồn thiên nhiên hợp lý. Như vậy, cơ sở của hệ thống hoạt động bảo tồn thiên nhiên phải là thái độ hợp lý của xã hội, hình thành trên quan điểm khoa học tổng hợp đối với việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên, bao gồm sự khôi phục và nhân rộng những tài nguyên thiên nhiên mới cũng như tạo ra những lãnh thổ được bảo tồn đặc biệt bằng cách tách ra một số khu vực tự nhiên không khai thác, tuân thủ bắt buộc những yêu cầu cơ bản về cải tạo tự nhiên có mục đích và có căn cứ khoa học.

Kinh tế học sử dụng thiên nhiên bao quát tất cả những khía cạnh khai thác tự nhiên, bắt đầu từ những vấn đề cạn kiệt tài nguyên cho đến sản xuất sản phẩm cuối cùng và sử dụng các loại phế thải khác nhau. Vì vậy, trong kinh tế học sử dụng thiên nhiên (cũng như nói chung trong sinh thái xã hội học) không nên nhân tạo tách rời một trong các hướng và xem xét nó tách biệt với tất cả những quá trình khác.

Sử dụng đất đai liên quan tới những vấn đề tiêu thụ nước, sử dụng tài nguyên rừng, khai thác khoáng sản, nhất là bằng các phương pháp chiều rộng, khi cảnh quan trên những lãnh thổ rộng lớn bị phá hủy.

Nhân loại cần phải hiểu rằng, không thể hy vọng phát triển nền văn minh mà không tính đến những qui luật khách quan của bản thân quá trình duy vật biện chứng của sự phát triển và tự phát triển. Và về phương diện này, những qui luật sinh thái do nhà khoa học Mỹ B. Commoner rút ra thật đáng quan tâm: 1) tất cả mọi thứ liên quan đến mọi thứ, 2) mọi cái đều phải trả giá, 3) không có cái gì qua đi một cách không dấu vết, 4) thiên nhiên bao giờ cũng biết tốt hơn chúng ta.

Thời gian gần đây, các chuyên gia ngày càng chú ý tới cách tiếp cận tổng hợp đối với vấn đề tương tác xã hội và tự nhiên. Sự đánh giá của họ nhiều khi vang lên như một lời

tiên đoán về cuộc khủng hoảng sinh thái đang đến dần, một lời cảnh báo về thảm họa sinh thái tiềm năng. Liên quan đến chuyện này phải nói rằng bản thân khái niệm “khủng hoảng sinh thái” hoàn toàn không đơn trị. Thí dụ, về phương diện sinh học, khủng hoảng sinh thái ? đó là sự phá hủy những hệ sinh thái, sự diệt chủng những cơ thể sống, sự suy giảm năng suất của tự nhiên và sự giảm sút các điều kiện sống của mọi người. Nguyên nhân trực tiếp của những quá trình ấy là sự ô nhiễm môi trường ngày càng tăng. Nguyên nhân khoa học ? kĩ thuật của khủng hoảng sinh thái ? đó là công nghệ của nền sản xuất hiện đại, mức độ tăng trưởng cao của các tổ hợp kinh tế.

Những gốc rễ kinh tế ? xã hội của khủng hoảng sinh thái có thể là sự điều hành nền sản xuất kinh tế phi kế hoạch và vô kiểm soát, sự chạy đua vì siêu lợi nhuận, thái độ tiêu thụ đối với thiên nhiên, phương thức quản lý kinh tế hành chính mệnh lệnh, sự vi phạm những nguyên tắc khoa học sử dụng tài nguyên hợp lý.

Tại thời điểm này có lẽ chưa có cơ sở để nói về cuộc khủng hoảng sinh thái toàn cầu, mặc dù phải thừa nhận sự hiện diện một tình huống sinh thái bất lợi không chỉ trong khuôn khổ những vùng riêng biệt mà cả trên qui mô hành tinh. Những thí dụ trực quan nhất về phương diện này ? đó là sự gia tăng nồng độ điôxit cacbon, các ôxit nitơ, lưu huỳnh và các chất ô nhiễm khác trong khí quyển.

Giải quyết những vấn đề này chỉ có thể với điều kiện liên kết nỗ lực của từng quốc gia (ở mức chính sách quốc gia về sử dụng thiên nhiên) trong khuôn khổ hợp tác quốc tế hiện đại. ở đất nước chúng ta đã làm được khá nhiều chuyện thuộc lĩnh vực này của chính sách kinh tế ? xã hội, song những kết quả đạt được thì không thể gọi là thành công.

Có lẽ, thời kỳ khó khăn và cam go của lịch sử đất nước chúng ta ? những năm đầu tiên của chính quyền Xô viết, là thí dụ trực quan nhất về phương diện này.

Ngay từ năm 1918, lần đầu tiên đã đặt ra vấn đề thành lập một cơ quan nhà nước thống nhất về bảo tồn thiên nhiên. Nhưng chỉ tới cuối năm 1919 ý tưởng này mới được thực hiện. Khi đó, trong khuôn khổ ủy ban Nhân dân về Giáo dục đã thành lập ủy ban Nhà nước về Bảo tồn Thiên nhiên với thành viên gồm những nhà khoa học nổi tiếng của nước Nga như G. A. Kogievnikov, N. M. Kulaghin, Đ. M. Rossinsky, V. I. Taliev, nhà du hành Nga P. N. Kozlov đã tham gia tích cực trong công tác của ủy ban.

Cơ sở hoạt động của ủy ban là những khuyến cáo của Ban Khoa học thuộc Dân ủy Giáo dục, trong đó các vấn đề bảo tồn thiên nhiên, như đã nhấn mạnh trong bản báo cáo đặc biệt “Về những nhu cầu bảo tồn thiên nhiên ở Liên bang Nga”, đã được nhìn nhận như là một công cuộc có tầm quan trọng quốc gia.

Không thể không dẫn ra một số điểm từ bản báo cáo này, bởi vì trong đó biểu lộ rõ quan điểm, cách tiếp cận, từ đó làm căn cứ xây dựng nên chính sách bảo tồn thiên nhiên của nhà nước chúng ta trong những năm đầu tiên của chính quyền Xô viết. Điều này

còn quan trọng do chỗ trong số các tác giả của văn bản đó không chỉ có những nhà khoa học ? C. A. Buturlin, G. A. Kogievnikov, N. M. Kulaghin, C. F. Oldenburg, A. N. Seversev, V. I. Taliev, A. E. Fersman, mà cả những nhà hoạt động chính trị nổi tiếng thời đó.

Trong báo cáo đã ghi: “Tự nhiên, một mặt, là nguồn của cái vật chất đối với chúng ta, nhưng mặt khác, -nó là nguồn nghiên cứu và học tập vô tận. Nhận thức những qui luật điều khiển tự nhiên ? đó là một trong những nhiệm vụ to lớn nhất trước nhân loại mà thực hiện nó sẽ hứa hẹn cho chúng ta những ứng dụng thực tiễn rộng lớn và những phúc lợi vật chất vĩ đại, nhưng để nhận thức những qui luật ấy chúng ta cần phải có một thiên nhiên nguyên thủy làm đối tượng quan sát và nghiên cứu các qui luật của nó. ... Nếu chúng ta không nhanh chóng tổ chức ngay những biện pháp cần thiết thực sự bảo tồn thiên nhiên nước Nga, thì sau một thời gian nào đó, chúng ta sẽ chẳng còn gì mà bảo tồn, trong chúng ta chỉ còn lại những hoài niệm về những của cải tự nhiên từng có mà bây giờ chúng ta có thể tự hào trước những đất nước khác.

Tây Âu quá muộn màng bắt tay vào công cuộc bảo tồn thiên nhiên, khi đó nơi ấy đã mất đi nhiều nét thực vật nguyên thủy, đại bộ phận những động vật quý hiếm. Và trong điều kiện đó trước Cộng hòa Nga là một nhiệm vụ có tầm quan trọng thế giới ? bảo tồn một loạt những loài động vật không đâu còn ngoài ranh giới tổ quốc chúng ta và số phận của chúng đang được giới khoa học toàn thế giới chăm chú theo dõi”.

Những lời này, đã được viết ra vào ngay đầu những năm hai mươi, lại một lần nữa đang khẳng định rằng chúng ta đã mất đi nhiều đến mức nào do những thập niên tiếp sau nhiều nguyên tắc lành mạnh hợp lý của chính sách bảo tồn thiên nhiên đã bị hoàn toàn phá bỏ.

Kết cục đã rõ ? hiện nay hệ thống những giải pháp bảo tồn thiên nhiên ở nước ta đòi hỏi phải cải tổ cơ cấu một cách nghiêm trọng. Đó là do một loạt nguyên nhân quyết định.

Thứ nhất ? kích thước rộng lớn bất thường của đất nước chúng ta và qui mô những tài nguyên thiên nhiên được thu hút vào nền kinh tế quốc dân. Theo những tính toán sơ bộ, đến đầu những năm tám mươi tổng giá trị kinh tế quốc dân các tài nguyên rừng của Liên Xô bằng khoảng 840 tỉ rúp, giá trị hoa lợi nông nghiệp ? 540 tỉ rúp, giá trị dự trữ khoáng sản ? 460 tỉ rúp và giá trị tài nguyên nước (dòng nước mặt và tài nguyên nước ngầm) ? 250 tỉ rúp. Như vậy, tổng giá trị chỉ của những tài nguyên thiên nhiên đã liệt kê vượt trên 2 nghìn tỉ rúp, vượt trên giá trị ước lượng tài sản quốc gia nước ta nếu không tính tới tài nguyên thiên nhiên.

Nói cách khác, chúng ta đang đề cập vấn đề đưa vào lĩnh vực kiểm kê giá trị tiền tệ nền kinh tế quốc dân từ những hợp phần tài sản quốc gia quan trọng nhất, ngang hàng với giá trị của các hợp phần thường được tính tới theo truyền thống.

Nhưng không được quên về giá trị sinh thái của những tài nguyên thiên nhiên được thu hút vào quá trình kinh tế quốc dân. Thí dụ, trong khi xem xét theo truyền thống những tài nguyên rừng như là nguồn nguyên liệu, chúng ta đang mắc một sai lầm nghiêm trọng. Được biết rằng chính là từ gỗ như là dạng chủ yếu của nguyên liệu “rừng” ngày nay con người có thể sản xuất ra hơn 2000 loại sản phẩm cuối cùng khác nhau cần trong đời sống hàng ngày. Nhưng chính rừng là “chiếc máy” độc đáo đang làm lại và lấp đi những khiếm khuyết của hoạt động con người. Được biết rằng, thí dụ, một ngày trời đẹp nắng 1 ha rừng hấp thụ 220?280 kg điôxit cacbon và tỏa ra 180?220 kg ôxy, còn tất cả rừng của hành tinh một năm “cho qua” mình hơn 550 tỉ tấn điôxit cacbon và trả lại cho con người gần 400 tỉ tấn ôxy. Ngoài ra, rừng hấp thụ lượng bụi lớn (1 ha rừng một năm ? từ 32 đến 63 kg bụi tùy thuộc thành phần của mình), tách ra những chất rất quý đối với con người ? phitonxit, có khả năng diệt các vi khuẩn gây bệnh (1 ha rừng một ngày cho 2?4 kg phitonxit, mà 30 kg chất này đủ để tiêu diệt các loài vi sinh có hại trong một thành phố lớn).

Mặc dù một quốc gia xã hội chủ nghĩa có những lợi thế khách quan nhất định trong các vấn đề sử dụng thiên nhiên ? và điều này đã được nhiều chuyên gia ngoại quốc nhận xét

Nhà sinh thái học người Mỹ B. Commoner trong công trình “Vòng tròn khép kín” đã viết: “... Hệ thống xã hội chủ nghĩa của Liên Xô có một ưu thế thực tế quan trọng so với hệ thống kinh tế tư nhân. Nền kế hoạch toàn diện sản xuất công nghiệp và nông nghiệp trên qui mô toàn quốc... là một tính chất riêng có hữu cơ của hệ thống Xô viết” (“Vòng tròn khép kín”, Lêningrat, 1974, tr. 201).

, nhưng ở nước ta đã không đảm bảo được đầy đủ việc thực thi chính sách quốc gia sử dụng thiên nhiên. Thật vậy, ở Liên Xô đang nhận thấy sự thuyên giảm sản lượng tự nhiên của đất đai, cạn kiệt chất mùn trong đất, trạng thái tài nguyên rừng không đáp ứng.

Thí dụ, các xí nghiệp công nghiệp thải vào khí quyển hơn 65 triệu tấn chất độc hại và một lượng không ít hơn thế là từ ô tô. Hàm lượng những chất này trong không khí ở tất cả các trung tâm công nghiệp vượt quá các tiêu chuẩn vệ sinh, trong đó, tại 104 thành phố với tổng dân cư 50 triệu người nồng độ những chất đó không hiếm khi vượt trên chuẩn cho phép 10 lần hoặc hơn.

Tình hình với tài nguyên nước cũng không khá hơn. Đến đầu những năm tám mươi, nền kinh tế quốc dân đã sử dụng 400 km³ nước (không kể nước tưới!), lượng này bằng khoảng hai lần lưu lượng năm của sông Volga hay tám lần lưu lượng nước sông Đnepr. Hầu như mọi nơi đều giảm chất lượng nước và đặc biệt ở các sông vùng Tây Xibiri ? sông Obi, Irtush, các sản phẩm dầu tích lũy trong nước các sông này lớn hơn 20 lần tiêu chuẩn cho phép. Không những các sông, mà các biển cũng bị ô nhiễm. Thật vậy, nồng độ phenol ở Kaspí vượt chuẩn cho phép 9 lần, ở biển Baltich ? 4 lần. Biển Aral nếu xét theo tất cả “các tiêu chí biển” thì đã trở thành vùng thảm họa sinh thái thực sự.

Nhà khoa học Xô viết nổi tiếng, viện sĩ thông tấn Viện hàn lâm Khoa học Liên Xô, đại biểu quốc hội Liên Xô A. V. Iablokov đã phác họa một bức tranh rất hùng hồn trong bài phát biểu của mình tại Đại hội các Xô viết lần I. Ông nói: “Tình huống hiện nay là: 20 % dân cư nước ta đang phải sống trong các vùng thảm họa sinh thái, còn 34?40 % ? trong những điều kiện bất lợi sinh thái. Kết quả là tình trạng bệnh tật liên quan tới suy giảm chất lượng môi trường đang tăng nhanh”.

Vậy cái gì đã dẫn tới tình trạng sinh thái bất lợi như vậy? Vì sao, mặc dù bao nhiêu phương tiện đã đầu tư cho thực thi chính sách sinh thái, mặc dù đã thông qua hàng loạt những quyết sách quan trọng, mà vẫn không đạt được chẳng những kết quả mong muốn, mà cả kết quả cần thiết?

ở đây chúng ta đã tiến tới nguyên nhân thứ hai, nói đúng hơn, tới một tổ hợp toàn vẹn những nguyên nhân có tính chất kinh tế, chính trị và tư tưởng, đang gây khó khăn cho sự phát triển công cuộc sử dụng thiên nhiên hợp lý ở nước ta.

ở Liên Xô bảo vệ môi trường và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên được đưa lên hàng chính sách quốc gia. Hiến pháp nước ta qui định rằng “... Vì lợi ích các thế hệ hôm nay và tương lai, ở Liên Xô đang thi hành những biện pháp cần thiết để bảo tồn và sử dụng hợp lý có căn cứ khoa học đất đai và lòng đất, tài nguyên nước, giới thực vật và động vật, để giữ gìn trong sạch không khí và nước, đảm bảo tái tạo những của cải thiên nhiên và cải thiện môi trường xung quanh con người” (tr. 18) trong khi đồng thời đảm bảo đòi hỏi từng công dân Liên Xô phải có nghĩa vụ gìn giữ thiên nhiên và bảo vệ nguồn của cải tự nhiên (tr. 67).

ở nước ta có một loạt những qui định pháp luật của Xô viết Tối cao Liên Xô trong thời kỳ hơn 15 năm. Thật vậy, có thể nêu ra Những cơ sở của Pháp luật đất đai (1970), Luật bảo vệ không khí khí quyển (1980), Luật bảo tồn và sử dụng giới động vật (1980). Còn một loạt các luật đã được thông qua ở cấp các xô viết tối cao của những nước cộng hòa thuộc Liên Xô.

Năm 1972 (ngày 29 tháng 12), Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Liên Xô và Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô đã thông qua nghị quyết “Về tăng cường bảo tồn thiên nhiên và cải thiện sử dụng tài nguyên thiên nhiên”, theo đó đã thiết lập quan điểm ngành trong những vấn đề về bảo tồn và sử dụng tài nguyên thiên nhiên.

Những lợi ích ngành hẹp, phương thức quản lý hành chính ? mệnh lệnh đã trở thành nguyên nhân của những vi phạm nghiêm trọng đối với những nguyên tắc khoa học của đường lối bảo tồn thiên nhiên xã hội chủ nghĩa.

ở đây không thể không nhớ lại những lời rất quan trọng xét về ý nghĩa xã hội ? chính trị của viện sĩ V. S. Nhemtrinov, nói rằng “sự tự phát duy ý chí trong điều kiện chủ nghĩa

xã hội có thể đưa tới những hậu quả không kém nghiêm trọng so với sự tự phát cạnh tranh ở Phương Tây”.

Vì thế, những giải pháp đang thực thi từ trước tới nay không đem lại kết quả cần thiết. Thật vậy, nếu như từ năm 1974 những biện pháp bảo tồn thiên nhiên đã trở thành bộ phận cấu thành bắt buộc của những kế hoạch hàng năm phát triển kinh tế đất nước, còn từ năm 1981 chúng được đưa thành những chương mục về bảo tồn thiên nhiên trong các kế hoạch năm năm, nhưng căn cứ khoa học và phương pháp luận của chúng vẫn còn xa mới hoàn chỉnh. Và không phải ngẫu nhiên mà kết cục là hơn 63 tỉ rúp đầu tư vào sự nghiệp bảo tồn thiên nhiên trong hai kế hoạch năm năm gần đây không đảm bảo làm giảm dung lượng tài nguyên và năng lượng của nền sản xuất, không làm giảm đáng kể sự ô nhiễm môi trường, và nước ta, theo ý kiến của nhà sinh thái học Xô viết N. F. Reimers, tụt hậu 15?20 năm so với các quốc gia phát triển về những vấn đề bảo tồn thiên nhiên và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên.

Đáng tiếc, chúng ta đã không giải quyết được những nhiệm vụ đề ra trong đề mục “Bảo tồn môi trường, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên” trong khuôn khổ “Những phương hướng chủ yếu phát triển kinh tế và xã hội Liên Xô trong những năm 1986?1990 và thời kỳ đến năm 2000”. Thực chất, đây là một chương trình của những biện pháp quan trọng nhất nhằm hoàn thiện chính sách sinh thái trong điều kiện đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế ? xã hội của đất nước.

Đến cuối những năm tám mươi, chúng ta đã dự định đảm bảo thực hiện những giải pháp về sử dụng hợp lý tài nguyên đất, nước, rừng và các tài nguyên khác của đất nước. Đã dự định áp dụng những công nghệ mới, trong đó có công nghệ ít thải, sử dụng những phương thức và phương pháp mới kế hoạch hóa kinh tế ? sinh thái v.v...

Như ta quan niệm, cách tiếp cận tổng hợp tới những vấn đề chính sách bảo tồn thiên nhiên phải đảm bảo làm sao bao hàm những biện pháp cực rộng về mặt địa lý, trong đó có hồ Baikal, lưu vực các biển Baltic, Kaspi, Hắc Hải và Azov, các thủy vực Bắc Băng Dương, vùng Trung á, Kazakhstan và Viễn Đông, hàng nghìn sông nhỏ và hồ chứa, những thứ cần được trợ giúp sinh thái một cách nghiêm túc.

Tuy nhiên, thậm chí trong hai ? ba năm gần đây không hề có một thay đổi hiện thực nào trong chính sách bảo tồn thiên nhiên. Điều này là do vẫn duy trì một loạt những tàn dư, chúng cắm rễ vào trong những quan điểm chính trị, kinh tế và tư tưởng ? lý luận trong việc thi hành chính sách quốc gia bảo tồn thiên nhiên.

Một vấn đề không kém phần quan trọng ở đây là vấn đề được thông tin của các chuyên gia, các nhà khoa học, của công luận rộng rãi về trạng thái môi trường. Sự thiếu hiểu biết về tính phức tạp của tình hình sinh thái dẫn tới những quyết sách sai lầm, và kết cục ? những sai lầm trong lựa chọn các phương hướng quan trọng để giải quyết vấn đề sinh thái. Điều này đang trở nên cực κ? quan trọng đặc biệt hiện nay, trong khi chúng

ta đang tiến hành công tác lập căn cứ cho Chương trình Sinh thái đặc biệt có tác động ngang bằng với những chương trình lương thực, năng lượng và các chương trình khác của quốc gia.

Với mục đích đó, tại ủy ban Nhà nước về Khoa học và Kỹ thuật Liên Xô đã thành lập nhóm công tác đặc biệt hình thành những phương hướng chủ yếu của chương trình này.

Tuy nhiên, theo ý kiến của một trong các thành viên nhóm công tác này, nhà kinh tế ? sinh thái học, giáo sư M. Ia. Lemesev, thì ngay từ đầu ta đã phạm những sai lầm nghiêm trọng. Thứ nhất, đó là để xây dựng một tài liệu qui mô nội dung như vậy mà chỉ cho một thời hạn ngắn ngủi phi hiện thực.

Thứ hai, phải thừa nhận rằng trong khi xác định những nhiệm vụ của nhóm đã biểu lộ quan điểm hình thức “truyền thống”, tức quan điểm ngành. Điều đó không hứa hẹn gì cả, ngoài những tai họa mới. Vấn đề là ở chỗ: theo quyết định của ủy ban Nhà nước về Khoa học và Kỹ thuật thì các bộ và ngành trước đây chịu trách nhiệm về bảo tồn những dạng tài nguyên thiên nhiên riêng biệt được trao nhiệm vụ gấp rút cung cấp cái gọi là những số liệu kiểm soát, ? đó là những đầu bài về bảo tồn thiên nhiên mà trên cơ sở đó các bộ và ngành khác cần phải xây dựng những biện pháp bảo tồn thiên nhiên theo từng lĩnh vực của mình. Một bảng tổng hợp các đầu bài như vậy chính là tạo thành chương trình quốc gia.

Tuy nhiên, không thể không nói về chuyện khi xây dựng Chương trình Sinh thái Quốc gia, người ta đã sử dụng những luận điểm cơ bản của quan điểm hoạt động sinh thái đã được hình thành trong “Dự thảo những luận điểm chủ yếu của chương trình khoa học tổng thể nghiên cứu sinh quyển và sinh thái học thời kỳ đến năm 2015”.

Vì vậy, cần đặc biệt chú ý làm sao liên kết những nhân tố sinh thái và kinh tế của việc sử dụng tài nguyên, bởi vì sử dụng tài nguyên có thể thực sự là tối ưu kinh tế chỉ trong điều kiện nó tối ưu sinh thái. Nhưng nếu cải tổ tất cả những cơ cấu bảo tồn tài nguyên một cách sâu sắc như vậy chắc chắn sẽ động chạm tới nhiều vấn đề kinh tế ? xã hội, chính trị và tư tưởng.

Trong những văn bản do Viện hàn lâm Liên Xô đề xuất và đã được sử dụng khi lập Chương trình Sinh thái Quốc gia đã dự kiến tiến hành những nghiên cứu sinh thái cơ bản, trong số đó có lĩnh vực tiến hóa của sinh quyển, sự trao đổi năng lượng và khối lượng trong sinh quyển, hóa học sinh quyển, những khía cạnh sinh học của vấn đề bảo tồn thiên nhiên và cuối cùng là xây dựng một phương pháp luận nghiên cứu hệ thống và mô hình hóa toán học các quá trình sinh quyển.

Dĩ nhiên, để thực thi thực tế chính sách bảo tồn thiên nhiên quốc gia thì những biện pháp nhằm giải quyết các vấn đề cụ thể như: đánh giá các tài nguyên thiên nhiên về mặt kinh

tế; xác định tồn thất sinh thái; áp dụng những đảm bảo pháp luật nghiêm ngặt cho công cuộc bảo tồn tài nguyên thiên nhiên v.v... cũng quan trọng.

Vấn đề về hoạt động của cơ quan bảo tồn thiên nhiên quốc gia ngoài ngành cũng không kém phần phức tạp. Theo nghị quyết của Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên Xô và Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô tháng giêng năm 1988 đã thành lập ủy ban Nhà nước về Bảo tồn Thiên nhiên. Nó được đề bạt như một cơ quan trung ương quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo tồn tự nhiên và sử dụng tài nguyên thiên nhiên và cùng với các hội đồng bộ trưởng của các nước cộng hòa trực thuộc phải chịu trách nhiệm đầy đủ về bảo tồn thiên nhiên, tổ chức sử dụng hợp lý và tái tạo tài nguyên thiên nhiên.

Những nhiệm vụ của ủy ban Nhà nước về Thiên nhiên Liên Xô cực kì đa dạng: từ việc xây dựng và thi hành chính sách bảo tồn thiên nhiên có căn cứ khoa học tổng hợp cho đến việc tổ chức phổ biến những tri thức bảo tồn thiên nhiên trong đông đảo quần chúng dân cư.

Một trong những điểm quan trọng nhất, theo dự kiến, quy định vị trí đặc biệt của ủy ban Nhà nước về Thiên nhiên Liên Xô, đó là: những quyết định, do nó đề ra trong khuôn khổ quyền lực của mình, là những quyết định bắt buộc phải thực hiện đối với tất cả các bộ, ngành, các tập đoàn, xí nghiệp và tổ chức.

ở đây phải lưu ý rằng tất cả các tập đoàn, xí nghiệp và tổ chức có trong thành phần chuẩn mực kinh tế dài hạn cũng nhận được những định mức chi trả về tài nguyên thiên nhiên cũng như những định mức chi trả do phát thải các chất ô nhiễm vào môi trường.

Đồng thời trong ủy ban Nhà nước về Thiên nhiên Liên Xô lập ra một quỹ dự trữ đặc biệt bảo tồn thiên nhiên từ nguồn triết khấu những khoản chi trả do phát thải chất ô nhiễm vào môi trường tự nhiên cũng như từ kinh phí khoản phạt những người vi phạm pháp luật bảo tồn thiên nhiên.

Nhưng ủy ban Nhà nước về Thiên nhiên Liên Xô cần phải trở thành “siêu bộ”, có được quyền bãi bỏ đối với những dự án nào không phù hợp về góc độ sinh thái bất kể ở qui mô nào.

Sai lầm mắc phải ngày hôm nay trong vấn đề sinh thái có thể ngày mai biến thành những hậu quả sinh thái, kinh tế không thể bù đắp được, thậm chí đôi khi là những hậu quả chính trị không thể bù đắp. Không nên quên rằng trong số các nguyên nhân quan trọng gây sự căng thẳng giữa các dân tộc, thì những thảm họa sinh thái mà các nước cộng hòa riêng biệt phải gánh chịu do chính sách ngành là một nhân tố rất đáng chú ý.

Năm 1991, ủy ban Nhà nước về Thiên nhiên Liên Xô đổi thành Bộ Bảo tồn Môi trường. Vai trò của nó cần phải tích cực tối đa, và vị trí của nó khác với vị trí mà các bộ và các ủy ban nhà nước khác nắm giữ. Điều này càng quan trọng vì trong khái niệm chính sách bảo tồn thiên nhiên còn có những vấn đề như đào tạo và giáo dục bảo tồn thiên nhiên

(sinh thái). Theo lời của A. Ia. Iablokov, một trong những trở ngại lớn trên con đường giải quyết vấn đề sinh thái ở Liên Xô là “sự lạc hậu sinh thái, sự thiếu cận sinh thái, chủ nghĩa phiêu lưu sinh thái và tình trạng vô đạo đức sinh thái”.

Vì vậy, ý nghĩa của giáo dục sinh thái đang tăng mạnh. Ngay từ năm 1977, trong các quyết nghị của hội nghị chuyên đề về vấn đề giáo dục trong lĩnh vực môi trường diễn ra ở Tbilisi theo kênh UNESCO và UNEP đã nêu lên sự cần thiết phải tổ chức hệ thống giáo dục sinh thái liên tục. Có nghĩa rằng bắt đầu từ vườn trẻ, qua trường trung học và đại học, cũng như thông qua hệ thống tái đào tạo cán bộ trình độ cao, phải liên tục tiến hành công tác giáo dục và đào tạo sinh thái. Trong báo cáo kết thúc tại hội nghị này đã nhấn mạnh rằng môi trường bao gồm môi trường xã hội, môi trường văn hóa và cả môi trường tự nhiên, và do đó, việc phân tích phải tính đến sự liên hệ qua lại giữa môi trường tự nhiên, các hợp phần sinh học của nó và các nhân tố xã hội và văn hóa.

Còn về giáo dục sinh thái ở nước ta và đặc biệt việc đặt vấn đề này ở trường đại học, thì rõ ràng là chúng ta chưa hiểu hết ý nghĩa của vấn đề. Sự thiếu thốn các cán bộ giảng dạy giàu kinh nghiệm và được đào tạo tốt, cách tiếp cận chuyên môn hẹp ở các cơ sở đào tạo chỉ quan tâm phát triển cái gọi là “sinh thái học thực dụng” ? đó chỉ là những khó khăn riêng lẻ mà chúng ta cần phải khắc phục trước hết vì lợi ích của việc giải quyết chính vấn đề sinh thái.

Đào tạo sinh thái ngày nay cần cho các cán bộ và chuyên gia (cả cán bộ thông thường lẫn cán bộ lãnh đạo) thực tế trong tất cả các lĩnh vực kinh tế quốc dân. Yêu cầu này cũng đề ra đối với hệ thống đảm bảo khí tượng thủy văn.

Để kết thúc, cần nhắc lại một lần nữa rằng tính chất toàn cầu của vấn đề sinh thái buộc chúng ta phải tính tới một thực tế rằng công cuộc ngăn chặn khủng hoảng sinh thái chỉ có thể bằng những nỗ lực của tất cả các quốc gia. Những vấn đề sinh thái xã hội học biểu hiện ở các nước khác nhau theo kiểu khác nhau. ở đây phải tính tới cả vị trí địa lý của quốc gia (những điều kiện và tự nhiên và những khả năng của họ) và trình độ phát triển kinh tế (trong đó có trình độ công nghệ) và xu thế phát triển kinh tế ? xã hội của quốc gia đó.

Tuy nhiên, không phụ thuộc vào chế độ xã hội, tất cả các nước cần phải góp phần giải quyết vấn đề toàn cầu toàn nhân loại. ở đây trước hết phải nêu ra những hình thức hợp tác liên quốc gia như thành lập những cơ quan và những tổ chức chuyên môn bảo tồn thiên nhiên liên quốc gia

UNESCO - Tổ chức giáo dục, khoa học và văn hóa của LHQ, UNEP - Chương trình môi trường của LHQ, WMO - Tổ chức khí tượng thế giới, EEC - Ủy ban kinh tế châu Âu của LHQ, IUER - Liên hiệp quốc tế bảo tồn môi trường.

Năm 1972, tại Stockholm diễn ra Hội nghị về vấn đề môi trường. Một trong những kết quả quan trọng nhất của nó là lập ra một cơ quan trợ giúp mới của LHQ mà xét về cơ cấu và tính chất hoạt động thì tương đương với một tổ chức quốc tế ? Chương trình Môi trường của LHQ (UNEP). Cơ cấu, những hướng hoạt động chủ yếu của tổ chức này cho phép có được quan niệm khá rộng về trạng thái hiện đại của quá trình tương tác xã hội và tự nhiên ở các qui mô toàn cầu, khu vực và phụ khu vực và trên cơ sở đó đề ra một hệ thống những giải pháp xúc tiến phối hợp hoạt động bảo tồn thiên nhiên của các quốc gia và các tổ chức quốc tế.

Liên Xô tham gia tích cực vào công việc của UNEP và cũng là một trong những thành viên thực hiện các chương trình sinh thái trong khuôn khổ các tổ chức đó, như WMO, EEC, UNESCO, IUER và các tổ chức khác. ở Liên Xô đã thành lập và đang hoạt động những ủy ban quốc gia về các vấn đề của UNESCO và Trung tâm các dự án quốc tế của UNEP. Trong khuôn khổ của UNEP cùng với WMO và UNESCO, trong các năm 1979, 1981, 1983 (Riga, Tbilisi, Tallin) đã diễn ra các hội thảo quốc tế về kiểm soát môi trường tổng hợp toàn cầu.

Vậy là, như chúng ta thấy, tình hình sinh thái hiện đại hình thành dưới tác động của một loạt những nguyên nhân sinh thái, kinh tế và xã hội đang đòi hỏi sự chăm chú từ phía mỗi quốc gia và toàn bộ cộng đồng nhân loại.